

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## / Certificate of Analysis



Xuất bản / ref.: PPT26h130302-W65FPJE Ngày / Date: 28/05/2026

Nơi / người gửi mẫu / Customer information

**Hộ kinh doanh Trần Văn Đăng**

Tại nhà, TĐ số 141, TĐ số 41, thôn Trung Tâm, Xã Hoàng Vân, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Thông tin mẫu thử nghiệm / Sample information:

SP26h1303-02

Tên mẫu thử / name.:

**Kẹo lạc vừng**

Ngày tiếp nhận / receipt date.:

13/5/2026

Thời gian lưu mẫu / Storage time:

Không có mẫu lưu

Ngày thử nghiệm / test date.:

13/5/2026 - 27/5/2026

Mô tả / desc.:

Mẫu thực phẩm, đóng trong túi nhựa, trên túi dán tên mẫu

*- Xem kết quả ở trang tiếp theo / See the results on the following page -***Ghi chú / Note:**

KPH: Không phát hiện / Not detected.

LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of detection.

LOQ: Giới hạn định lượng / Limit of quantification.

IRDOP: Chỉ tiêu được thực hiện tại IRDOP / Parameters conducted by IRDOP.

EX: Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Parameters conducted by subcontractors.

VS: Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 / Accredited per ISO/IEC 17025:2017.

TĐC: Chỉ tiêu được công nhận đánh giá sự phù hợp theo ND 107/2016/ND-CP / Accredited per Decree 107/2016/ND-CP.

Thông tin mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp / Sample information provided by the customer.

Kết quả chỉ có giá trị với mẫu thử / The results are only valid for the tested sample(s).



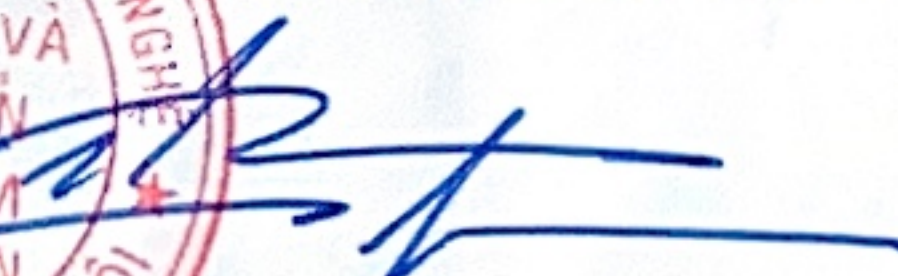
# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## / Certificate of Analysis

Xuất bản / ref.: PPT26h130302-W65FPJE Ngày / Date: 28/05/2026



| STT / No. | Phép thử / Tests             | Kết quả / Test result        | Đơn vị / Unit | Phương pháp / Protocol                       | Phạm vi công nhận / Accreditation scope |
|-----------|------------------------------|------------------------------|---------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 1.        | Chì (Pb)                     | KPH (LOD: 0,006)             | mg/kg         | TCVN 8126:2009                               | IRDOP VS                                |
| 2.        | Cadmi (Cd)                   | KPH (LOD: 0,0005)            | mg/kg         | TCVN 8126:2009                               | IRDOP VS                                |
| 3.        | Aflatoxin tổng số            | KPH (LOD:0,1)                | µg/kg         | AVA-KN-PP.SK/211                             | EX                                      |
| 4.        | Aflatoxin B1                 | KPH (LOD:0,1)                | µg/kg         | AVA-KN-PP.SK/211                             | EX                                      |
| 5.        | Năng lượng                   | 372,08                       | kcal/100g     | AOAC 971.10 AOAC 979.07                      | IRDOP                                   |
| 6.        | Protein                      | 10,01                        | g/100g        | TCVN 8125:2015                               | IRDOP VS                                |
| 7.        | Chất béo toàn phần           | 11,88                        | g/100g        | HDPP33 -KN                                   | IRDOP                                   |
| 8.        | Carbohydrate                 | 56,28                        | g/100g        | Pro 5113 CD (TCVN 4594:1988; TCVN 4074:2009) | IRDOP                                   |
| 9.        | Natri (Na)                   | 15,95                        | mg/100g       | HDPP392-KN                                   | IRDOP                                   |
| 10.       | Tổng số vi sinh vật hiếu khí | KPH (LOD: 10)                | CFU/g         | TCVN 4884-1:2015                             | IRDOP VS                                |
| 11.       | Escherichia coli             | KPH (LOD: 10)                | CFU/g         | TCVN 7924-2:2008                             | IRDOP VS                                |
| 12.       | Salmonella spp.              | KPH (eLOD <sub>50</sub> : 5) | CFU/25g       | TCVN 10780-1:2017                            | IRDOP VS                                |

**TRƯỞNG PHÒNG KIỂM NGHIỆM**  
**PHÒNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG / Quality Assurance Manager**  
Trần Thị Lan**KIỂM NGHIỆM**  
**PHÓ VIỆN TRƯỞNG / Vice President**  
  
Nguyễn Bá Xuân Trưởng